

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

Bản án số: 46/2019/HS - ST
Ngày: 27/9/2019.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Văn Hoạt** và Ông **Hà Văn Tiến**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ma Thị Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Mai Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2019/TLST - HS, ngày 20 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST – HS, ngày 16 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo: **LÊ VIẾT N** - sinh ngày 04/9/1969 tại Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT: tổ 4, phường Q, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Viết N1 và bà Nguyễn Thị D; có vợ là: Lê Thị V và 01 (một) con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Lê Viết N sinh ra và lớn lên tại thành phố TN, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 10 thì nghỉ học lao động tự do. Năm 2014 bị Công an phường Q, thành phố TN xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000đ (đã chấp hành xong).

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* **Người có quyền lợi liên quan:** Lê Thị V – sinh năm 1967; trú tại: tổ 4, phường Q, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18^{h15'} ngày 26/3/2019 tại khu vực tổ L, phường X, thành phố BK, tổ công tác Công an thành phố Bắc Kạn tiến hành kiểm tra phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính đối với Lê Viết N. Lê Viết N tự khai nhận có tàng trữ ma túy trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng tại giá để hàng phía trước xe mô tô nhãn hiệu HONDA WaveS màu đen BKS 20M6 – 7936, tổ công tác kiểm tra theo lời khai của N thì thu giữ được 01 gói nilon màu trắng được buộc bằng dây nịt màu vàng, bên trong chứa chất trắng dạng cục và dạng bột, tổ công tác niêm phong vào phong bì N1. Ngoài ra còn thu giữ của N: 01 điện thoại di động NOKIA, vỏ màu đen, đã qua sử dụng bên trong có lắp 01 sim Viettel; 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Lê Viết N; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị V và 01 xe mô tô BKS 20M6 – 7936 cùng chìa khóa xe, xe đã qua sử dụng.

Ngày 27/3/2019, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Viết N tại số nhà 268, tổ 4, phường Q, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Kết quả khám xét thu giữ tại tủ quần áo trong phòng ngủ của N số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra, Lê Viết N khai nhận số ma túy bị thu giữ là của N tàng trữ với mục đích sử dụng, không có mục đích khác. Về nguồn gốc ma túy: khoảng 13 giờ ngày 26/3/2019 Lê Viết N mua với một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ tại khu vực cầu G thuộc phường H, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Sau khi mua được ma túy N điều khiển xe mô tô BKS 20M6 – 7936 đi thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn có việc gia đình, khi đi đến tổ L, phường X, thành phố BK thì bị tổ công tác Công an thành phố Bắc Kạn bắt quả tang.

Cơ quan điều tra tiến hành cân xác định khối lượng số chất trắng dạng bột và dạng cục trong phong bì N1 thu giữ được của Lê Viết N là 36,86g (Ba sáu phẩy tám sáu gam). Tiến hành niêm phong vào phong bì A1 để gửi giám định.

Tại kết luận giám định số 63/KTHS – MT, ngày 01/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục và dạng bột trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại heroin, có khối lượng là: 36,86 g (Ba sáu phẩy tám sáu gam).

Tại bản cáo trạng số: 41/CT - VKSTPBK, ngày 20 tháng 8 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo Lê Viết N về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b, khoản 3, điều 249/ BLHS.

*** Điều luật có nội dung:** “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

2.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

b) Heroine, ...có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam”.

Tại phiên toà: - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo N. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Viết N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 249; Điều 38; điểm r, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 54/BLHS: xử phạt bị cáo N từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù;

+ Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo N.

+ Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ký hiệu T63; 01 phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ký hiệu A2. Tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, bên trong có 01 (một) sim: để đảm bảo thi hành án cho bị cáo N. Trả lại cho bị cáo N: 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Lê Viết N, 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Viết N. Trả lại cho chị Lê Thị V: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS, màu đen, đã qua sử dụng, biển kiểm soát 20M6 – 7936 cùng 01 chìa khóa xe; 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 070480 mang tên Lê Thị V và số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bị cáo N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như viện kiểm sát đã truy tố.

- Người có quyền lợi liên quan Lê Thị V đề nghị hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS, biển kiểm soát 20M6 – 7936 cùng 01 chìa khóa xe, đăng ký xe và số tiền 10.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

Khoảng 18^h30' ngày 26/3/2019 tại khu vực tổ L, phường X, thành phố BK, Lê Viết N đã có hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp 36,86g (Ba sáu phẩy tám sáu gam) chất ma túy (loại heroine). Mục đích Lê Viết N tàng trữ trái phép chất ma túy là phục vụ nhu cầu sử dụng chất ma túy của bản thân; ngoài ra không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Lê Viết N đã tự khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Lê Viết N đã sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS, màu đen, biển kiểm soát 20M6 – 7936 để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Lê Viết N về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b, khoản 3, điều 249/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy, làm gia tăng tội phạm, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, tuy nhiên nhân thân xấu: Ngày 12/8/2014 bị Công an phường Q, thành phố TN xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000đ (đã chấp hành xong) - (Quyết định số 112/QĐ – XPHC). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú, bị cáo có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị D được tặng huy chương kháng chiến - theo quy định tại điểm s, r, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có ba tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú được quy định tại điểm s, r, khoản 1, điều 51/BLHS, xét thấy đủ điều kiện áp dụng điều 54/BLHS để quyết định một hình phạt đối với bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định, thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước và cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa.

Vật chứng:

- 01 phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ký hiệu T63 và dòng chữ: “Vụ Lê Viết N (1969) tàng trữ trái phép chất ma túy”, mặt sau phong bì có 04 (bốn) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn; 01 phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ký hiệu A2 và dòng chữ: “Phong bì, túi nilon và vỏ bao thuốc lá Thăng Long lưu hồ sơ vụ án”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, có 06 (sáu) chữ ký không đọc được, 02 (hai) dòng chữ Lê Viết N, 02 (hai) chữ N, tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn: tất cả không có giá trị, tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, bên trong có 01 (một) sim số thuê bao 0393.474.122, có số sêri: 358253048993367: tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo N.

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Lê Viết N số M406326 do Sở giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 08/7/2003; 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Viết N số 090513174 do công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/6/2012: trả lại cho bị cáo N.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS, màu đen, đã qua sử dụng, biển kiểm soát 20M6 – 7936, số máy: C43E – 0580262 và số khung: Y 627049 cùng 01 chìa khóa xe (tình trạng xe đã cũ đã qua sử dụng, yếm bị vỡ, sút sát, đầu ống xử đã bị rỉ, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy

số 070480 mang tên Lê Thị V, biển số đăng ký 20M6 – 7936 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 17/8/2009: quá trình điều tra, xác minh làm rõ được chiếc xe mô tô này là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị V (vợ của bị cáo N). Việc Lê Viết N sử dụng chiếc xe trên vào việc phạm tội thì chị V không biết, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N và người có quyền lợi liên quan Lê Thị V đều khai phù hợp nhau về nguồn gốc chiếc xe và đều có yêu cầu được trả lại chiếc xe trên cho chị Lê Thị V, do đó hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS, biển kiểm soát 20M6 – 7936, cùng 01 chìa khóa xe và 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 070480 mang tên Lê Thị V cho chị Lê Thị V là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tiền Việt Nam: 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng): quá trình điều tra, xác minh làm rõ được số tiền này là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị V (vợ của bị cáo N), không liên quan đến tội phạm, do đó cần thiết phải trả lại số tiền này cho chị Lê Thị V là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc ma túy, bị cáo N khai mua với một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể tại khu vực cầu G, phường H, thành phố TN, quá trình điều tra không xác định được danh tính của người đàn ông này nên không có căn cứ để xử lý.

Tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định bị cáo không có tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án, nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo N.

Bị cáo N phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo: Lê Viết N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Căn cứ vào điểm b, khoản 3, Điều 249; điểm s, r, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 54/BLHS.

Xử phạt: Lê Viết N: 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/3/2019.

* Vật chứng: Áp dụng điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ký hiệu T63 và dòng chữ: “Vụ Lê Viết N (1969) tàng trữ trái phép chất ma túy”, mặt sau phong bì có 04 (bốn) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn; 01 phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ký hiệu A2 và dòng chữ: “Phong bì, túi nilon và vỏ bao thuốc lá Thăng Long lưu hồ sơ vụ án”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, có 06

(sáu) chữ ký không đọc được, 02 (hai) dòng chữ Lê Viết N, 02 (hai) chữ N, tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn.

- Tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, bên trong có 01 (một) sim số thuê bao 0393.474.122, có số seri: 358253048993367: để đảm bảo thi hành án cho bị cáo N.

- Trả lại cho bị cáo N: 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Lê Viết N số M406326 do Sở giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 08/7/2003; 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Viết N số 090513174 do công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/6/2012.

- Trả lại cho chị Lê Thị V:

+) 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS, màu đen, đã qua sử dụng, biển kiểm soát 20M6 – 7936, số máy: C43E – 0580262 và số khung: Y 627049 cùng 01 chìa khóa xe (tình trạng xe đã cũ đã qua sử dụng, yếm bị vỡ, sút sắt, đầu ống xử đã bị rỉ, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

+) 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 070480 mang tên Lê Thị V, biển số đăng ký 20M6 – 7936 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 17/8/2009.

+) Tiền Việt Nam: 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

* Về án phí: Căn cứ Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSTBK: 1
- VKSTPBK: 2
- CATPBK: 2
- Bị cáo: 1
- NCQLLQ: 1
- STPTBK: 1
- TA tỉnh: 1
- T.H.A: 2
- Lưu hồ sơ: 1
- Lưu VP: 1.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Triệu Thị Vang

